

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hồng Thạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.
2. Ông Phạm Thanh Trà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 386/TB-TA ngày 20/8/2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 405/TB-TA ngày 31/8/2021; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 449/TB-TA ngày 15/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đặng Thị Thu T – sinh năm 1987.

Địa chỉ: 1397/3, Tổ 4, ấp NL2, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

Chỗ ở: Tổ 5, ấp NL3, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

***- Bị đơn:*** Anh Trần Quốc P – sinh năm 1980.

Địa chỉ: 1397/3, Tổ 4, ấp NL2, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

*(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:*

***- Quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh P tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN. Vợ chồng sống chung hạnh phúc

đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn bất hòa do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vào tháng 6/2020, chị đã nộp đơn ly hôn anh P nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh P.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng Nhật Đ, sinh ngày 21/02/2007. Hiện nay cháu Đ do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng con nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ. Chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ.

- Tài sản chung: Chị T có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung gồm: Nữ trang; 02 xe honda; 01 xe ba gác máy, 01 căn nhà và yêu cầu anh P trả lại tài sản riêng của chị là 40.000.000đ và 01 xe honda. Tòa án đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị. Nay chị rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, riêng.

Nợ chung: Không có.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, cũng không gửi, giao tài liệu, chứng cứ trình bày ý kiến của mình. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng Nhật Đ, sinh ngày 21/02/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị T đã rút phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung.

Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn. Anh P phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con. Trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh P; yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con, chia tài sản chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm; hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau.

Chị T khởi kiện, anh P đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối các yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Cho thấy anh P không mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là Trần Hoàng Nhật Đ, sinh ngày 21/02/2007. Hiện tại con chung do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con và yêu cầu anh P cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ.

Anh P biết việc chị T tranh chấp quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con nhưng không có ý kiến phản đối. Qua kết

quả xác minh tại địa phương nhận thấy: Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay, con chung thực tế do chị T nuôi dưỡng, chị T có việc làm ổn định, chăm sóc nuôi dưỡng cháu rất tốt. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với chị T. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao các con chung chưa thành niên Trần Hoàng Nhật Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chị T yêu cầu. Nhận thấy do không có ý kiến của anh P về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương để quyết định. Do anh P không trực tiếp nuôi con nên buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức là 1.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản, nợ chung: Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung. Việc rút yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu chia tài sản chung, tài sản riêng. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có tranh chấp.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn. Trả lại cho chị T số tiền 3.612.000đ đã nộp tạm ứng án phí.

Anh P phải nộp 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 89, 91, 92, 93 và 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Quốc P.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là Trần Hoàng Nhật Đ, sinh ngày 21/02/2007. Giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng

10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, tài sản riêng.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003756 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Trả lại cho chị T số tiền 3.612.000đ (Ba triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003824 ngày 17/11/2020.

Anh Trần Quốc P phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Xuân, huyện Tân Phú (Số 120, ngày 25/9/2006) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Thạnh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND Phường Long Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Số 31, ngày 26/01/2019) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Thạnh**



